

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TÀI CHÍNH
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

TÔN THẤT VIÊN

**CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH
THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: *Kinh tế Tài chính-Ngân hàng*
Mã số: 62.31.12.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội-2009

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS, TS Lê Huy Trọng**
- 2. TS Nguyễn Đình Hợi**

Phản biện 1: PGS, TS Vũ Đình Thắng

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Phản biện 2: PGS, TS Nguyễn Thị Như Liêm

Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng

Phản biện 3: PGS, TS Nguyễn Thị Mùi

Ngân hàng CôngThương Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước họp tại: Học viện Tài chính

Vào hồi 15g00 ngày 08 tháng 5 năm 2009

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tôn Thất Viên (01/07/2004), “Các giải pháp tín dụng đối với việc phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”, *Thị trường Tài chính Tiền tệ*, trang 26 - 30.
2. Tôn Thất Viên (15/10/2004), “Những giải pháp tài chính nhằm quy hoạch phát triển làng nghề tại thành phố Đà Nẵng”, *Thị trường Tài chính Tiền tệ*, trang 29 - 32.
3. Tôn Thất Viên (2004), “Làng nghề thành phố Đà Nẵng và giải pháp tín dụng ngân hàng”, *Sinh hoạt lý luận*, trang 68 - 74.
4. Tôn Thất Viên (15/10/2005), “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc mở rộng tín dụng ngân hàng đối với làng nghề”, *Thị trường Tài chính Tiền tệ*, trang 26 - 28.
5. Tôn Thất Viên (11/2005), “Giải pháp và kiến nghị mở rộng tín dụng thúc đẩy phát triển làng nghề trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, trang 27 - 28.
6. Tôn Thất Viên (08/2004), “Làng nghề và vai trò của tài chính đối với sự phát triển các làng nghề truyền thống”, *Tạp chí Thuế Nhà nước*, trang 27 - 30.

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nông thôn Việt Nam cho đến nay vẫn chiếm hơn 70% lao động của cả nước. Trong những năm đổi mới cùng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu kinh tế nông thôn cũng đang chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tỷ trọng các ngành nghề phi nông nghiệp ngày càng tăng và nông nghiệp ngày càng giảm. Cùng với quá trình đó lao động trong khu vực nông nghiệp ngày càng giảm và lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng. Sự phát triển của các ngành nghề phi nông nghiệp, đặc biệt là sự khôi phục và phát triển các làng nghề, các ngành nghề nông thôn đã góp phần quan trọng trong giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn. Bộ mặt nông thôn đã có sự thay đổi đáng kể, đời sống vật chất cũng như văn hóa xã hội ngày càng được cải thiện. Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, Đảng và Nhà nước cũng như các chính quyền địa phương rất quan tâm đến phát triển các làng nghề. Nhiều làng nghề truyền thống được bảo tồn và phát triển nhiều làng nghề mới ra đời. Đến nay cả nước đã có 1.439 làng nghề, trong đó có 300 làng nghề truyền thống phân bố trên cả 3 miền đất nước [36]. Tuy nhiên, sự phát triển của các làng nghề vẫn mang tính tự phát, quy mô sản xuất còn nhỏ, công nghệ lạc hậu, trình độ lao động còn thấp. Tình trạng thiếu vốn, thiếu mặt bằng sản xuất, kiểu dáng, mẫu mã sản phẩm đơn điệu, khả năng tiếp thị yếu đang khá phổ biến ở các làng nghề hiện nay. Đây là thách thức lớn của toàn xã hội, vấn đề đặt ra có tính thời sự, lâu dài, đòi hỏi như thế nào để tìm ra phương án hiệu quả nhất, đảm bảo phát triển.

Thành phố Đà Nẵng cũng giống như nhiều địa phương khác có lịch sử phát triển lâu đời của nhiều làng nghề, có nhiều mặt hàng thủ công truyền thống có giá trị xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Hơn nữa thành phố là nơi có nhiều tiềm năng và lợi thế trong phát triển của các làng nghề, như nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú, có vị trí địa lý thuận lợi cho trao đổi sản phẩm, nhất là phục vụ cho du khách. Trong nhiều năm qua thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc đầu tư khôi phục và phát triển làng nghề theo chủ trương, chính sách của Nhà nước. Nhiều làng nghề được khôi phục và phát triển, khẳng định được chỗ đứng trên thị trường. Song, cũng như nhiều địa phương khác, làng nghề Đà Nẵng vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển. Nguyên nhân có nhiều nhưng trong đó do thành phố cũng như các ban ngành chưa xây dựng được hệ thống các giải pháp đồng bộ phục vụ cho việc phát triển các làng nghề, trong đó đặc biệt là các giải pháp tài chính. Vì vậy, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: “ **Các giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay**” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ. Đề tài sẽ góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề ra các chủ trương, chính sách và các giải pháp tài chính trong quá trình phát triển làng nghề của thành phố.

2. Mục đích nghiên cứu của luận án

- Làm sáng tỏ những quan niệm khác nhau về làng nghề, từ đó đưa ra nhận thức đầy đủ và chính thống về làng nghề, những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề, vai trò của làng nghề đối với sự phát triển kinh tế, xã hội nông thôn.

- Nghiên cứu vai trò của các giải pháp tài chính đối với và phát triển làng nghề nông thôn, nhất là các làng nghề truyền thống.
- Đánh giá thực trạng phát triển làng nghề và việc sử dụng các giải pháp tài chính đối với phát triển làng nghề.
- Đề xuất các giải pháp tài chính nhằm phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống các giải pháp tài chính tác động đến quá trình phát triển làng nghề thành phố.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Các giải pháp tài chính có nội dung rất rộng, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các giải pháp tài chính về chi ngân sách và thu hút vốn đầu tư; về vốn tín dụng ngân hàng; về chính sách thuế bởi trong thực tế các công cụ đó có tác dụng rất lớn đến sự phát triển của các làng nghề.

+ Về thời gian, tập trung khảo sát các cơ sở làng nghề Đà Nẵng từ những năm đổi mới, nhất là từ năm 1997 đến nay và dự báo phát triển làng nghề thành phố đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

*** Về lý luận**

Luận án hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về làng nghề; những nhân tố ảnh hưởng và vai trò các giải pháp tài chính đối với phát triển làng nghề và kinh nghiệm của một số nước.

*** Về thực tiễn**

- Từ phân tích, đánh giá thực trạng sử dụng các giải pháp tài chính, luận án đã rút ra những kết quả đạt được, những hạn chế của từng giải pháp để từ đó xây dựng và hoàn thiện các giải pháp tài chính phù hợp với thực tế phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng hiện nay.

- Đề xuất, kiến nghị chiến lược định hướng xuất khẩu, phát triển du lịch như là một giải pháp mang tính đột phá nhằm giúp các làng nghề nâng cao năng lực cạnh tranh về sản phẩm, về thị trường, về nguồn nguyên liệu...trong thời gian tới.

- Những kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình hoạch định phát triển kinh tế, xã hội và chính sách phát triển làng nghề của thành phố Đà Nẵng.

5. Kết cấu của luận án

Luận án có 3 chương, được trình bày trong 185 trang, không kể mở đầu và kết luận.

Chương 1

LÀNG NGHỀ VÀ VAI TRÒ CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI VIỆC KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

1.1 Vai trò của làng nghề trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn

1.1.1. Quan niệm làng nghề ở nông thôn

Quan niệm thứ nhất: Làng nghề truyền thống là một cộng đồng dân cư, cư trú trong phạm vi một địa bàn tại các vùng nông thôn tách rời khỏi sản xuất nông nghiệp.

Quan niệm thứ hai: Làng nghề truyền thống là những làng nghề làm nghề thủ công có truyền thống lâu năm, thường là qua nhiều thế hệ.

Quan niệm thứ ba: Làng nghề truyền thống là những làng có tuyệt đại bộ phận dân số làm nghề cổ truyền. Nó được hình thành, được nối tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Cùng với thử thách của thời gian, các làng nghề thủ công này đã trở thành nghề nổi trội, một nghề cổ truyền, tinh xảo, với một tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp đã chuyên tâm sản xuất, có qui trình công nghệ nhất định và sống chủ yếu bằng nghề đó. Sản phẩm làm ra có tính mỹ nghệ và đã trở thành hàng hoá trên thị trường.

1.1.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc khôi phục và phát triển làng nghề ở nông thôn

Một) Sự biến động của nhu cầu thị trường.

Hai) Chính sách của Nhà nước, chẳng hạn chính sách tín dụng với cơ chế lãi suất ưu đãi có tác dụng tạo vốn cho làng nghề mở rộng quy mô sản xuất nhưng nếu thực hiện với cơ chế không khuyến khích thì khả năng phát triển làng nghề bị thu hẹp. Chính sách thuế với thuế suất hợp lý vừa kích thích làng nghề phát triển vừa nuôi dưỡng được nguồn thu, nhưng nếu thực hiện theo quan điểm tận thu thì có thể sẽ kìm hãm sự phát triển của các làng nghề.

Ba) Sự phát triển của kết cấu hạ tầng ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển của các làng nghề ở nông thôn, trong đó giao thông vận tải là yếu tố quan trọng nhất, bởi vì từ xa xưa, ngay từ buổi đầu tìm nơi lập nghiệp các cụ "Tổ nghề" đã quan tâm đến yếu tố "Bên sông, bãi chợ".

Bốn) Vốn, lao động là những nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển của làng nghề.

Năm) Trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm, đến năng lực cạnh tranh của các sản phẩm làng nghề.

Sáu) Yếu tố truyền thống ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì và phát triển làng nghề, đến việc lưu giữ những nét đặc trưng văn hóa của từng làng nghề, làm cho sản phẩm làng nghề có tính độc đáo.

Bảy) Nguồn nguyên liệu là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành và phát triển làng nghề.

1.1.3. Đặc điểm làng nghề ở nông thôn Việt Nam

Thứ nhất, làng nghề tồn tại ở nông thôn gắn bó mật thiết với sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, sản xuất trong các làng nghề chủ yếu bằng phương pháp thủ công, công nghệ thô sơ, lạc hậu.

Thứ ba, hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề nông thôn chủ yếu là theo hộ gia đình.

Thứ tư, phương pháp dạy nghề chủ yếu được thực hiện theo phương thức truyền nghề.

Thứ năm, sản phẩm của các làng nghề đa dạng trong đó có một số sản phẩm có tính mỹ thuật cao, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

1.1.4. Vai trò làng nghề trong phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn

Thứ nhất, góp phần tích cực trong việc giải quyết việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

Thứ hai, là nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

Thứ ba, góp phần tăng khối lượng hàng hoá và chủng loại hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thứ tư, tạo điều kiện và thúc đẩy xây dựng nông thôn Việt Nam mới, hiện đại.

Thứ năm, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Vai trò các giải pháp tài chính đối với việc khôi phục và phát triển làng nghề

1.2.1 Tổng quan về tài chính và các giải pháp tài chính

1.2.1.1 Hệ thống tài chính nước ta và cơ cấu hệ thống tài chính

a/ Khái niệm hệ thống tài chính:

Là tổng thể các quan hệ tài chính trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, nhưng thống nhất với nhau về bản chất, chức năng và liên hệ hữu cơ với nhau về sự hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ tồn tại khách quan trong nền kinh tế; Các khâu tài chính sau đây: *Tài chính nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Bảo hiểm; Tín dụng; Tài chính các tổ chức xã hội và tài chính hộ gia đình.*

b/ Những đặc trưng cơ bản: Ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, hệ thống tín dụng, hệ thống bảo hiểm, tài chính các tổ chức xã hội và dân cư.

c/ Mối quan hệ:

- Giữa doanh nghiệp với tài chính các tổ chức xã hội và dân cư qua các khoản trả tiền công lao động, các khoản thanh toán do cung ứng hàng hoá và dịch vụ, trả lợi tức cổ phần, mua và bán cổ phiếu, trái phiếu, các loại giấy tờ có giá.

- Giữa tài chính doanh nghiệp với ngân sách nhà nước thể hiện qua các khoản nộp thuế cho nhà nước, các biện pháp tài trợ của nhà nước cho doanh nghiệp.

- Giữa tài chính doanh nghiệp với nhau được thể hiện qua các khoản thanh toán về cung ứng hàng hoá và dịch vụ vay nợ, trả nợ, mua bán các loại chứng khoán doanh nghiệp phát hành.

- Giữa ngân sách nhà nước với tài chính tổ chức xã hội và dân cư thể hiện qua các khoản trả lương, nộp thuế, mua bán và thanh toán chứng khoán, trợ cấp của Nhà nước.

Các mối quan hệ trên nằm trong thể thống nhất và phụ thuộc lẫn nhau.

1.2.1.2 Tài chính và các giải pháp tài chính

a/ Khái niệm về công cụ tài chính (CCTC)

CCTC là những hình thức hoạt động tài chính được các chủ thể trong xã hội sử dụng để tác động vào quá trình vận động các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các mục tiêu KT-XH gắn liền với các chủ thể đó.

b/ Sử dụng các CCTC

Các công cụ thuộc chính sách tài chính-tiền tệ: Các công cụ thuế, tín dụng nhà nước và các quỹ hỗ trợ tài chính là những công cụ tài chính mà Nhà nước có thể sử dụng trực tiếp để khai thác và tập trung các nguồn lực tài chính của xã hội, đòi hỏi nhà nước phải kết hợp sử dụng đồng bộ: Chi ngân sách nhà nước, công cụ lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc và tỷ giá.

Thị trường tài chính và các công cụ: cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm, kỳ phiếu...đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư ngắn hạn hoặc trung và dài hạn.

c/ Tài chính và các giải pháp tài chính

Hệ thống tài chính bao gồm hệ thống tài chính Nhà nước (luật NSNN, chính sách thuế và chi ngân sách...); hệ thống tín dụng nhà nước (NHNN, NHTM Nhà nước, NH chính sách xã hội, NHTM cổ phần và nông thôn); hệ thống các quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, quỹ bảo hiểm...) và hệ thống các chương trình dự án, hỗ trợ và các tổ chức đoàn thể xã hội, hiệp hội tín dụng.

1.2.2 Vai trò, cơ chế tác động và mối quan hệ phối hợp của các công cụ tài chính trong việc phát triển làng nghề.

1.2.2.1 Vai trò của các công cụ tài chính

Luận án hệ thống hoá vai trò của các giải pháp tài chính đối với việc khôi phục và phát triển làng nghề trên 5 mặt: Tập trung vốn để xây dựng cơ sở vật chất cho làng nghề; góp phần đào tạo nguồn nhân lực; góp phần đảm bảo các yếu tố đầu vào cho các cơ sở sản xuất làng nghề; tạo điều kiện phát triển thị trường đầu ra của sản phẩm; đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thúc đẩy quan hệ liên kết giữa các ngành, các lĩnh vực, các tổ chức có liên quan đến phát triển làng nghề. Đồng thời khẳng định các giải pháp tài chính chỉ phát huy tác dụng đối với khôi phục và phát triển làng nghề khi chúng được phối hợp với nhau một cách đồng bộ.

1.2.2.2 Cơ chế tác động và mối quan hệ phối hợp các công cụ tài chính

Một đặc điểm bao trùm của các công cụ tài chính (CCTC) là tính chất hai mặt: tích cực và tiêu cực. Cùng một CCTC như thuế, chi ngân sách, tín dụng...nếu sử dụng đúng và thích hợp sẽ kích thích mọi động lực và đem lại kết quả tích cực Trái lại, nếu sử dụng không đúng và không thích hợp thì tác động tiêu cực sẽ vô cùng to lớn và dẫn đến triệt tiêu mọi động lực của cả hệ thống các CCTC.

1.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh

1.2.3.1 Đối với doanh nghiệp trong nước được sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận trên vốn sản xuất kinh doanh hoặc trên doanh thu.

1.2.3.2 Đối với sản phẩm trong nước xem xét mức chênh lệch giá cả giữa hai loại hàng hoá, tỷ lệ nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng so với tổng kim ngạch nhập khẩu, mức độ nhập siêu của nền kinh tế.

1.2.3.3 Đối với quốc gia gồm chỉ số kinh tế vĩ mô, chỉ số định chế và chỉ số công nghệ.

1.2.3.4 Các yếu tố về thước đo chất lượng gồm giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tiến bộ về phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, nhịp độ tăng trưởng kinh tế và giá trị gia tăng.

1.3. Kinh nghiệm một số nước trong việc sử dụng các giải pháp tài chính đối với việc khôi phục và phát triển làng nghề

Kinh nghiệm các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia [1],[16],[31],[43],[49] và một số bài học cho Việt Nam trong việc sử dụng các giải pháp tài chính đối với việc khôi phục và phát triển làng nghề:

Từ nghiên cứu kinh nghiệm các nước có thể vận dụng vào khôi phục và phát triển làng nghề ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng, là: phải có sự quan tâm trực tiếp của Nhà nước từ nghiên cứu, ban hành các chính sách đến dùng nguồn kinh phí đầu tư hỗ trợ cho các ngành nghề nông thôn nhất là đối với làng nghề, hỗ trợ các viện nghiên cứu, các trường dạy nghề trong việc nghiên cứu đổi mới sản phẩm, công nghệ và đào tạo nghề. Đồng thời Nhà nước còn quan tâm hỗ trợ các làng nghề trong quảng bá và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường nước ngoài.

Chương 2

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội thành phố Đà Nẵng

2.1.1. Các điều kiện tự nhiên

Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của đất nước, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế-xã hội và quốc phòng-an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra biển Đông của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông”[14].

2.1.2 Các điều kiện kinh tế-xã hội, bao gồm: Cơ sở hạ tầng; nguồn lao động; yếu tố kinh nghiệm, truyền thống.

2.2 Thực trạng phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

2.2.1 Thực trạng phát triển làng nghề và nghề tiểu thủ công nghiệp Đà Nẵng[3], bao gồm: Làng đá mỹ nghệ Non Nước; Làng nghề nước mắm Nam Ô; Làng chiếu Cẩm Nê; Nghề đá chẻ Hoà Sơn; Nghề dệt cỏ truyền; Nghề mây tre lá; Nghề Gốm mỹ nghệ; Nghề Mộc mỹ nghệ. Ngoài ra ở các vùng nông thôn Đà Nẵng còn phát triển nhiều ngành nghề truyền thống khác, như: nghề bánh tráng Tuý Loan, nghề bánh khô mè, nghề thêu, thảm len, nghề sản xuất mắm ruốc, nem tré...

2.2.2 Đánh giá sự phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

2.2.2.1 Số lượng, qui mô làng nghề

Làng nghề thành phố Đà Nẵng tương đối ít, cho thấy số lượng làng nghề tăng lên qua các năm, từ 5 làng nghề năm 1999 lên 7 làng nghề năm 2006. Quy mô làng nghề ngày càng tăng, phát sinh nhiều mô hình mới, lan tỏa khắp nơi đã chứng tỏ sự phát triển mạnh của một số làng nghề thành phố trong những năm gần đây.

2.2.2.2 Lao động của các làng nghề

Theo dự tính số lao động thường xuyên tăng qua các năm, bình quân tăng xấp xỉ 30%/năm, cụ thể năm 2006 là 6.672 người, so với năm 2004 (4.847 người) tăng 1.825 người (tăng 37,6%), trong khi đó năm 1999 là 3.517 người, tăng 1.330 người (tăng 27,4%). Những quận, huyện nào có làng nghề phát triển, lan tỏa sang hình thành nhiều làng nghề mới thì quận, huyện đó có số lượng lao động tham gia tăng lên.

2.2.2.3 Về nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu được nhập từ Thanh Hoá, Hà Tĩnh ...v.v. nhập khẩu từ Trung Quốc, các nước Nam Á. Các cơ sở làng nghề không chủ động được nguồn nguyên liệu ảnh hưởng đến hạ giá thành sản phẩm. Nó đang phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt với sản phẩm của các làng nghề ở các địa phương khác[16].

2.2.2.4 *Vốn và nguồn vốn*

Vốn là yếu tố không thể thiếu trong các làng nghề và có nhu cầu rất lớn; Trong cơ cấu *nguồn vốn* thì vốn tự có của các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) ở làng nghề chiếm tỉ trọng cao, bình quân chiếm khoảng 40%/tổng vốn đầu tư SXKD. Hầu hết các ngân hàng thương mại, sau đó là nguồn vốn vay khác, cho vay của Kho bạc Nhà nước, vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam tỉ trọng rất nhỏ, chiếm khoảng 2% trong cơ cấu nguồn vốn vay.

2.2.2.5 *Về công nghệ*

Công cụ sản xuất chủ yếu là công cụ thô sơ do người thợ thủ công chế tạo ra, đến nay công nghệ trong các làng nghề thành phố đã có sự thay đổi đáng kể, các hộ gia đình, các doanh nghiệp đã có sự đầu tư đổi mới công nghệ. Sự đổi mới công nghệ được gắn liền với điện khí hoá, cơ khí hoá sản xuất.

2.2.2.6 *Tổ chức SXKD của các làng nghề*

Sản xuất theo hộ gia đình của quận Ngũ Hành Sơn (78,99 %); quận Sơn Trà (5,88 %); quận Hải Châu (7,35 %); con số này nói lên hình thức sản xuất theo hộ gia đình là chủ yếu, biểu hiện phân tán, manh mún về tổ chức sản xuất, thiếu sự hợp tác, liên kết trong các làng nghề và giữa các làng nghề với nhau, hạn chế trong việc đổi mới công nghệ và khả năng tìm kiếm thị trường.

2.2.2.7 *Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm*

Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều sản phẩm làng nghề thành phố đã đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường trong và ngoài nước. Sản phẩm sản xuất ra với khối lượng lớn, ngày càng được đổi mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, trong đó sản phẩm chế biến nước mắm, đá mỹ nghệ, gỗ mây dân dụng, dệt may đã có bước phát triển quan trọng và chúng đang được ưa chuộng, có nhu cầu tiêu dùng lớn của những người có thu nhập cao và của khách nước ngoài đến Việt Nam.

2.2.2.8 *Về doanh thu và lợi nhuận*

Doanh thu tăng qua các năm nhưng so với các làng nghề cả nước thì quy mô còn nhỏ, cụ thể năm 2006 đạt gần 221,7 tỷ đồng, tăng 30,8%; năm 2005 đạt gần 170 tỷ đồng, tăng 30,4 % và năm 2004 đạt 130 tỷ đồng, tăng 56,6 % so với năm 2003, dựa trên các chỉ tiêu để đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của sản phẩm làng nghề và hiệu quả kinh tế đem lại, là cơ sở để áp dụng vào thực tiễn tính trội của kinh tế làng nghề trong điều kiện nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường.

2.2.2.9 *Về tình hình môi trường*

Phát triển làng nghề vừa qua còn mang nặng tính tự phát, không có qui hoạch, qui mô sản xuất nhỏ, phân tán xen kẽ trong dân, trình độ công nghệ thấp, lao động giản đơn, chưa được đào tạo cơ bản, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên không khí ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của làng nghề mà còn tác động xấu tới chất lượng môi trường.

2.3 Thực trạng sử dụng các giải pháp tài chính tác động đến việc phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

2.3.1 Chi ngân sách và thu hút đầu tư vào phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, các chính sách thu hút đầu tư thời gian qua đã không chỉ góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho các hoạt động đầu tư vào khu vực nông thôn nói chung và làng nghề nói riêng, mà còn làm cho môi trường đầu tư vào khu vực này ngày càng hấp dẫn hơn.

Thứ hai, Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng nguồn kinh phí từ NSNN đã có tác dụng củng cố thêm lòng tin của các nhà đầu tư vào tính nhất quán và khả thi của các chính sách.

Thứ ba, để quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 và Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 thành hiện thực, thành phố rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng: đào tạo nghề, đổi mới công nghệ...nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của các làng nghề.

2.3.2 Tín dụng đối với phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

Qua điều tra cho thấy 81,5% cơ sở cho rằng họ gặp nhiều khó khăn về vốn, chỉ có 18,5% ý kiến không gặp khó khăn về vốn [21] và khảo sát 135 hộ SXKD ở Đà Nẵng cũng không ngoại lệ, biểu hiện dư nợ cho vay ngành nghề nông thôn (NNNT) tăng từ 1.460 tỷ đồng năm 2001 lên 3.054 tỷ đồng năm 2006; chiếm năm 2001 là 26,72%, năm 2006 là 21,27%. Tuy dư nợ chiếm tỷ trọng nhỏ so với dư nợ thành phố nhưng đã thật sự là công cụ quan trọng để khôi phục và phát triển các ngành nghề. Tỷ lệ nợ xấu của các làng nghề năm 2004 chiếm trên 5% nhưng kể từ năm 2004 đến nay, tỷ lệ nợ xấu này giảm dần, biểu hiện rõ nhất cuối năm 2006 chiếm 1,45%.

2.3.2.1 Về cơ chế cho vay và bảo đảm tiền vay đang được áp dụng đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn

Cơ sở ngành nghề nông thôn được vay vốn các ngân hàng thương mại, được xem xét cho vay theo bảo lãnh của bên thứ ba, theo tín chấp trong trường hợp không đủ điều kiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản cầm cố, thế chấp.

2.3.2.2 Về cơ chế lãi suất

Chính sách Nhà nước và ưu đãi của Chính phủ, tuy chưa có quy định trực tiếp ưu đãi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

2.3.2.3 Triển khai thực hiện tại các NHTM.

Kết quả hoạt động vay vốn:

Một là: Các chính sách tín dụng đã có tác dụng tích cực trong việc giảm bớt nhu cầu căng thẳng về vốn đối với làng nghề.

Hai là: Bằng các quy định ràng buộc chặt chẽ, các chính sách tín dụng đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay của các làng nghề.

Ba là: Thông qua sự gia tăng cả về quy mô cũng như chất lượng của hoạt động tín dụng đối với làng nghề, các chính sách tín dụng đã tạo điều kiện cho việc ổn định và phát triển các làng nghề, thu hút lao động dư thừa và góp phần xóa đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn.

Một số hạn chế đối với:

Thứ nhất, chưa có một văn bản nào qui định về qui chế cho vay.

Thứ hai, do Nhà nước chưa có một chương trình tín dụng cụ thể để đưa vốn về đầu tư cho làng nghề, nên nguồn vốn này hiện nay là nguồn vốn huy động nên khó hạ lãi suất cho vay.

Thứ ba, doanh số cho vay tuy đã tăng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, các cơ sở SXKD trong làng nghề vẫn còn khó tiếp cận với nguồn vốn vay.

Thứ tư, cơ cấu cho vay và dư nợ còn mất cân đối, chủ yếu là cho vay ngắn hạn.

Thứ năm, hoạt động tín dụng chưa gắn với các chương trình, dự án khôi phục và phát triển làng nghề và cho vay theo món nhỏ.

Nguyên nhân của những hạn chế:

- Nhà Nước chưa có văn bản qui định thống nhất tiêu chí làng nghề, mỗi địa phương có sự vận dụng khác nhau.

- Chưa có một bộ phận quản lý làng nghề thống nhất.

2.3.3 Chính sách thuế đối với làng nghề thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất: Những kết quả đạt được.

Một là: góp phần thúc đẩy đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, qua miễn giảm thuế của các cơ sở làng nghề nông thôn.

Hai là: tác động vào sự ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, ưu đãi chỉ thu phân giá trị tăng thêm đối với hàng hoá ở luật thuế giá trị gia tăng, hoặc miễn thuế, giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số danh mục hàng hoá xuất khẩu đã có tác động tích cực đến sự phát triển sản xuất và tìm kiếm thị trường đầu ra cho các cơ sở sản xuất làng nghề.

Ba là: Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các làng nghề, đặc biệt là các nghệ nhân.

Thứ hai : Một số hạn chế

- Chưa có một văn bản chính thức nào về thuế dành riêng cho các làng nghề, với tư cách như là một đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách vì đặc trưng cơ bản của các cơ sở sản xuất làng nghề là gắn liền với sự phát triển của các làng quê Việt Nam.

- Sự phù hợp của các quy định về thuế đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề chưa cao.

- Việc quản lý thuế của cơ quan thuế các cấp còn nhiều bất cập nên dẫn đến tình trạng các cơ sở sản xuất làng nghề lợi dụng trốn thuế, lậu thuế...

2.4 Đánh giá việc sử dụng các giải pháp tài chính tác động đến việc khôi phục và phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

2.4.1 Một số kết quả

Thứ nhất, các công cụ tài chính đã hình thành tương đối hoàn chỉnh, có hệ thống đã góp phần đa dạng hoá các kênh nguồn lực tài chính.

Thứ hai, góp phần ổn định kinh tế và kiềm chế lạm phát.

Thứ ba, không ngừng nâng cao khả năng huy động các nguồn lực tài chính.

Thứ tư, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình điều hoà, luân chuyển các nguồn lực tài chính thông qua hình thành và phát triển thị trường tài chính.

2.4.2 Về nhược điểm

2.4.2.1 Đối với chi ngân sách nhà nước

Chưa dứt bỏ hoàn toàn cơ chế bao cấp, chưa thực sự thúc đẩy các thành phần kinh tế tích tụ và tập trung vốn.

2.4.2.2 Đối với lãi suất

Lãi suất cho vay đồng nội tệ vẫn còn cao; thực hiện tự do hoá lãi suất nhưng vẫn còn hạn chế; lãi suất thị trường liên ngân hàng thì không phản ánh được cung cầu vốn; công cụ lãi suất tái cấp vốn tỏ ra rất mờ nhạt; huy động vốn trong nước của tín dụng nhà nước kém linh hoạt và vốn ODA giải ngân chậm.

2.4.2.3 Đối với chính sách thuế

Nguồn thu thuế không ổn định và bền vững; Ý thức chấp hành chế độ kế toán của người dân còn kém; Hệ thống thuế vẫn còn phức tạp.

2.4.3 Những nguyên nhân dẫn đến nhược điểm

Sử dụng các công cụ tài chính phục vụ cho các giải pháp tài chính thiếu đồng bộ và vận hành có sự thoát ly ra khỏi sự ràng buộc của cơ chế thị trường; Chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của các làng nghề đạt hiệu quả; tổ chức sản xuất kinh doanh bộc lộ bất cập khả năng cạnh tranh trên thị trường, thiết lập và tổ chức điều hành các quan hệ hợp tác, liên kết kinh tế chưa được coi trọng, chưa được sử dụng đúng đắn...các công cụ tài chính.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1 Mục tiêu và định hướng phát triển các làng nghề thành phố Đà Nẵng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

3.1.1 Quan điểm định hướng của Nhà nước đối với làng nghề

3.1.1.1 Mục tiêu phát triển làng nghề

Xây dựng công tác quy hoạch làng nghề Việt Nam, đề nhiều chủ trương, chính sách, đề án, quy hoạch... hỗ trợ để làng nghề phát triển.

3.1.1.2 Quan điểm định hướng phát triển làng nghề

Thứ nhất, cần phải nhận thức đúng đắn vị trí làng nghề trong phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

Thứ hai, khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển ngành nghề nông thôn.

Thứ ba, cần phát triển làng nghề theo hướng sản xuất hàng hóa.

Thứ tư, phải kết hợp chặt chẽ với việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển nông thôn toàn diện, bền vững.

Thứ năm, phát huy tính chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế và đẩy mạnh xuất khẩu.

3.1.2 Mục tiêu và định hướng trong việc khôi phục và phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

3.1.2.1 Mục tiêu phát triển KT-XH thành phố Đà Nẵng

Phát triển kinh tế nông nghiệp ngoại thành theo hướng nông nghiệp đô thị. Tăng tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngành nghề trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

3.1.2.2 Mục tiêu khôi phục và phát triển làng nghề Đà Nẵng

Xây dựng kinh tế nông thôn phát triển nhanh, bền vững theo hướng: giảm tỷ trọng và lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng và lao động công nghiệp TTCN và dịch vụ trong CCKT nông thôn.

3.1.2.3 Định hướng khôi phục và phát triển làng nghề thành phố

Một là: đánh giá đúng vai trò của làng nghề phù hợp với định hướng phát triển.

Hai là: Hướng sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, khả năng cạnh tranh nhờ vào trình độ lao động cao và khả năng phát triển sản phẩm mới.

Ba là: Sử dụng lao động tại địa phương và chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp nông thôn sang công nghiệp.

Bốn là: Sản phẩm du lịch được ưu tiên đầu tư phát triển.

Năm là: Nhà nước, doanh nghiệp và người dân cùng phối hợp để phát triển làng nghề.

Sáu là: Phát triển làng nghề theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành nghề nông thôn kết hợp với giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường.

3.2 Các giải pháp tài chính nhằm khôi phục và phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

3.2.1 Giải pháp đổi mới chi ngân sách và thu hút đầu tư vào khôi phục và phát triển làng nghề thành phố Đà Nẵng

Chi ngân sách nhà nước (NSNN) cần tập trung vào điều tra, khảo sát các cơ sở làng nghề Đà Nẵng để có cơ sở lập quy hoạch một số khu, cụm công nghiệp làng nghề, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ các làng nghề, hỗ trợ công tác đào tạo nghề, đổi mới công nghệ, sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm làng nghề, cũng như đầu tư cho quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Chi NSNN cần kết hợp với việc đổi mới cơ chế, thu hút các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư vào khôi phục và phát triển làng nghề. Trước hết cần tập trung đầu tư theo hướng mỗi làng chọn một nghề có lợi thế phát triển và thị trường. Thành phố cần có sự chỉ đạo cụ thể và có cơ chế tài chính và chính sách đầu tư để ngành du lịch phối hợp với các địa phương (quận, huyện) có làng nghề và các cơ sở làng nghề phát triển hoạt động du lịch làng nghề.

Đầu tư cho phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đó là:

Một) Tích cực tạo điều kiện để mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên cơ sở ký kết các hợp đồng buôn bán nhằm tạo ra một thị trường nước ngoài có tính chất lâu dài và ổn định.

Hai) Thành lập các tổ chức và có đầu tư thoả đáng cho công tác nghiên cứu, dự báo thị trường về sản phẩm của làng nghề trong và ngoài nước.

Ba) Tạo điều kiện cho người sản xuất được xuất khẩu trực tiếp sản phẩm của mình không qua khâu trung gian.

Bốn) Nâng cao vai trò của các tham tán thương mại ở các nước để hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường.

Năm) Hoàn thiện hơn hệ thống chợ nông thôn tại các làng nghề kết hợp với xây dựng các trung tâm thương mại cụm xã, phường để thúc đẩy sự giao lưu hàng hoá.

Sáu) Khuyến khích và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các làng nghề mở các đại lý, các cửa hàng, quầy hàng giới thiệu sản phẩm tại các đô thị và các tụ điểm thương mại ở các địa phương khác nhau, đồng thời phải tạo ra được mối liên kết giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh trong các làng nghề với các doanh nghiệp lớn của Nhà Nước.

Bảy) Nhà nước cần giảm những khoản đóng góp của dân cư ở khu vực nông thôn không nằm trong các chính sách và pháp luật đã quy định như phí, lệ phí...nhu vậy mới tạo điều kiện cho người nông dân có điều kiện để mở rộng sản xuất và tăng sức mua.

Tám) Phát triển mạnh hơn nữa du lịch quốc tế, du lịch trong nước nói chung và thành phố nói riêng để thu hút du khách nước ngoài đến tham quan du lịch, tạo cơ hội cho các làng nghề tham gia xuất khẩu tại chỗ.

Chín) Nhà nước tạo điều kiện cho làng nghề tạo dựng thương hiệu để nâng cao sức cạnh tranh.

3.2.2 Giải pháp đổi mới hoạt động tín dụng ngân hàng

Luận án đưa ra: Ngoài việc mở rộng cho vay theo hạn mức tín dụng; Sử dụng hình thức tín chấp, tăng cho vay trung và dài hạn. Luận án nhấn mạnh hoạt động tín dụng làng nghề, cần gắn với quy hoạch và các dự án, khôi phục và phát triển của từng làng nghề cụ thể và cần phối hợp chặt chẽ với các giải pháp đầu tư và thu hút đầu tư cho phát triển làng nghề.

3.2.3 Đổi mới giải pháp về thuế đối với làng nghề

Trên cơ sở quy hoạch, các dự án khôi phục và phát triển làng nghề cũng như từ thực tế phát triển của các làng nghề Đà Nẵng hiện nay để có chính sách miễn giảm thuế hợp lý nhằm tạo điều kiện và khuyến khích làng nghề phát triển. Cần giúp các cơ sở làng nghề hiểu biết đầy đủ các luật thuế có liên quan đến làng nghề.

Thực hiện thuế ưu đãi: *Một là*, đối với doanh nghiệp mới thành lập, hộ gia đình sản xuất kinh doanh lần đầu, những sản phẩm mới đưa vào sản xuất và làng nghề mới được hình thành, sản xuất chưa ổn định. *Hai là*, các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ. *Ba là*, đối với các cơ sở sản xuất làng nghề phải nhập khẩu thiết bị phục vụ cho sản xuất, nên áp dụng mức thuế xuất nhập khẩu phù hợp. *Bốn là*, đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, sử dụng nguyên liệu và lực lượng tại chỗ, đặc biệt là thương binh, người tàn tật...nên miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Nếu lại xuất khẩu được trên 30% thì được miễn 3 năm thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% cho 5 năm tiếp theo. *Năm là*, chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi phí giao dịch ...được tính là chi phí hợp lý để trừ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. *Sáu là*, không thu thuế giá trị gia tăng và miễn giảm hợp lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở dạy nghề gắn với việc giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động.

3.2.4 Giải pháp huy động các nguồn lực tài chính phục vụ khôi phục và phát triển làng nghề

Cần tiếp tục đổi mới các chính sách để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các nhà đầu tư trong nước, huy động vốn của các thành phần kinh tế và của nhân dân thông qua hình thức trái phiếu đô thị, huy động vốn cổ phần và vốn ODA.

3.2.5 Giải pháp hoàn thiện hệ thống hàng lang pháp lý

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp hoàn chỉnh, đồng bộ để tạo môi trường pháp lý cho các cơ sở làng nghề có điều kiện đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển làng nghề.

3.2.6 Giải pháp củng cố và phát triển hệ thống tài chính-ngân hàng

Một là, tăng cường phổ biến và xây dựng hệ thống thông tin cho khách hàng.

Hai là, mở rộng hoạt động tín dụng theo nguyên tắc tự kinh doanh, tự chịu trách nhiệm đảm bảo lợi nhuận và bảo toàn được vốn.

Ba là, xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với làng nghề, thích ứng với cơ chế thị trường. Cụ thể:

Bốn là, củng cố và phát triển hệ thống tài chính-ngân hàng chuyên nghiệp, hiện đại, biểu hiện:

Năm là, xây dựng hệ thống tài chính-ngân hàng là ngân hàng cốt lõi làm tốt vai trò trung gian cho các thị trường vốn, thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế nước ta hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực, cụ thể:

3.2.7 Giải pháp phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể và công tác quản lý Nhà nước đối với phát triển làng nghề

Thường xuyên giám sát, kiểm tra và hướng dẫn công tác quản lý đối với làng nghề trong cơ chế thị trường, nhằm giúp cho cơ quan cấp trên có được số liệu chính xác, đưa ra quyết định đúng đắn mang tính khả thi cao. Từ đó, có kế hoạch phát triển mạnh mẽ những ngành nghề mang hiệu quả kinh tế, khai thác một cách đầy đủ nhất các lợi thế về lao động, về nguyên liệu và về tay nghề ...

KẾT LUẬN

Kiến nghị

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới:

Một) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kinh tế-xã hội, trước hết là quy hoạch và hình thành vùng sản xuất nông sản hàng hoá và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chế biến nông sản hàng hoá và phát triển ngành nghề gắn với quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để phát huy lợi thế so sánh của thành phố Đà Nẵng. Phát triển các khu, cụm công nghiệp làng nghề gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố .

Hai) Tiếp tục củng cố, đổi mới các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh kiểu mới, phát triển kinh tế hộ. Theo đó, Nhà nước cần nghiên cứu có một chiến lược lâu dài và đồng bộ trong việc tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Chỉ đạo tích cực hơn việc chuyển đổi ruộng đất để tạo điều kiện tích tụ đất đai, “dồn điền đổi thửa”, giao quyền sử dụng lâu dài. Nhanh chóng có chính sách đền bù, tạo việc làm và ổn định đời sống cho nông dân ở các vùng Nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng phi nông nghiệp.

Ba) Trên cơ sở huy động vốn tự có trong nhân dân là chính, cần có chính sách ưu đãi, hỗ trợ các địa phương và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, trong đó ưu đãi vùng sản xuất các sản phẩm làng nghề và khu vực cần tác

động để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đồng thời có biện pháp huy động vốn nước ngoài thông qua các công cụ tài chính và thị trường tài chính. Cần tăng cường đầu tư cho công tác khuyến công từ ngân sách nhà nước và huy động các tổ chức trong nước và quốc tế để hỗ trợ các làng nghề trong việc đổi mới công nghệ, sản phẩm và đào tạo nghề cho các cơ sở sản xuất làng nghề.

Bốn) Từ các giải pháp tài chính nêu trên, cần có các chính sách đầu tư: vốn, KH&CN, cũng như chiến lược sử dụng các nguồn lực đất đai, vốn, lao động, cơ sở hạ tầng. Nhà nước cần đầu tư nguồn ngân sách nhà nước để đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt trong khu vực nông thôn.

Năm) Quy hoạch phát triển du lịch Đà Nẵng cần hướng tới việc hình thành các tour, các tuyến du lịch hướng về làng nghề. Vấn đề nâng cấp, tôn tạo các di sản văn hoá cần có sự quan tâm của UBND thành phố và Sở VH-TDTT & du lịch và phải có sự liên kết với các cơ sở làng nghề. Luận án sẽ là tài liệu để thành phố tham khảo, là cơ sở để đề ra các văn bản phát triển du lịch, văn hoá và làng nghề trong thời gian tới.

Sáu) Để đảm bảo cho làng nghề phát triển bền vững, thành phố cần quan tâm chỉ đạo việc xây dựng, hệ thống bảo vệ môi trường trong các làng nghề và thường xuyên kiểm tra, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường... Luận án sẽ là tài liệu để thành phố tham khảo và có kế hoạch xây dựng hệ thống xử lý về ô nhiễm môi trường trong các làng nghề.

Bảy) Thành phố Đà Nẵng đóng vai trò đầu mối, trung tâm vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Tây Nguyên, có nhiệm vụ thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đề xuất các cơ chế chính sách, các dự án lớn liên quan đến cả vùng. Đề nghị thành phố trong thời gian tới có kế hoạch triển khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm, điều phối hoạt động này một cách thiết thực và có hiệu quả cao.

Kết luận

Luận án "*Các giải pháp tài chính thúc đẩy phát triển các làng nghề trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay*" được hoàn thành nhằm hoàn thiện lý luận về giải pháp tài chính đối với làng nghề, trên cơ sở đó, tìm ra các giải pháp tài chính thúc đẩy các làng nghề phát triển trên giác độ vĩ mô. Về cơ bản luận án đạt được các kết quả sau:

1. Bằng cách tiếp cận hệ thống và lôgic, đã hệ thống một số vấn đề lý luận cơ bản về làng nghề và vai trò các giải pháp tài chính đối với việc khôi phục và phát triển làng nghề.

2. Tiếp cận vấn đề từ góc độ thực tiễn, phân tích và nhận định rằng, quá trình phát triển các làng nghề ở Đà Nẵng những năm qua đã thu được những thành tựu quan trọng, tình hình nông nghiệp, nông thôn có những biến đổi sâu sắc, tuy nhiên quá trình đó vẫn còn gặp không ít khó khăn, trở ngại và nhiều hạn chế, yếu kém, nhất là vai trò các giải pháp tài chính đối với sự phát triển của các làng nghề.

3. Áp dụng một cách tích cực và đồng bộ nhiều giải pháp tài chính, trong đó việc hoàn thiện cơ chế chi ngân sách nhà nước dành cho làng nghề, vốn tín dụng và một số chính sách thuế đối với làng nghề./.

